

2013年9月14日

# 识字（一）

- 1) 拼音 a o e
- 2) 笔画
- 3) 生字：一 二 三 四 五



# 拼音

- ā á ǎ à
- mā má mǎ mà
- ō ó ǒ ò
- mō mó mǒ mò
- ē é ě è
- gē gé gě gè



# 笔画

汉字笔画名称		点 zhǔ 主	一 héng 横 xià 下	丨 shù 竖 shí 十
ノ pá 撇 rén 人	㇏ nà 捺 bā 八	ノ tí 提 bīng 冰	㇇ pá 撇 nǚ 女	㇇ shù 竖 tí 提 yī 衣
㇇ héng zhé tí 横折提 shuō 说	㇇ wān gōu 弯钩 xiàng 象	丨 shù gōu 竖钩 xiǎo 小	㇇ shù wān gōu 竖弯钩 bào 包	㇇ xié gōu 斜钩 wǒ 我
㇇ wò gōu 卧钩 xīn 心	㇇ héng gōu 横钩 nóng 农	㇇ héng zhé gōu 横折钩 yuè 月	㇇ héng zhé wān gōu 横折弯钩 jiǔ 九	㇇ héng wān gōu 横弯钩 yáng 阳
㇇ héng zhé zhé gōu 横折折钩 nǚ 奶	㇇ shù zhé zhé gōu 竖折折钩 niǎo 鸟	㇇ shù wān 竖弯 sì 四	㇇ héng wān gōu 横弯钩 chuán 船	㇇ héng zhé 横折 kǒu 口
㇇ shù zhé 竖折 shān 山	㇇ pá zhé 撇折 yún 云	㇇ héng pá 横撇 shuǐ 水	㇇ héng zhé zhé gōu 横折折钩 jí 及	㇇ shù zhé pá 竖折撇 zhuān 专



# 生字

- 一
- 二
- 三
- 四
- 五



- 一 yī
- One
- 一个苹果



- 二 èr
- Two
- 二（两）个苹果



- 三 sān
- Three
- 三个苹果



- 四 sì
- Four
- 四个苹果



- 五 wǔ
- Five
- 五个苹果

# 连线题 Read and link



五

one



三

two



二

three

一

four



四

five

一片一片又一片，（片means  
两片三片四五片， snowflake)  
六片七片八九片，  
落入水中看不见。

